

**Phụ lục 01**  
**DANH MỤC DỰ ÁN DO CẤP TỈNH QUẢN LÝ KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG**  
**NĂM 2023 SANG NĂM 2024**

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Danh mục dự án                                                                                                             | Chủ đầu tư                                       | Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư      |                                |                       | Kế hoạch năm 2023 | Giải ngân đến ngày 31/01/2024 | Kế hoạch còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch năm 2023 kéo dài sang năm 2024 | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|-------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                            |                                                  | Số QĐ, ngày tháng năm                               | TMĐT                           |                       |                   |                               |                                 |                                         |         |
|     |                                                                                                                            |                                                  |                                                     | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NS Tỉnh |                   |                               |                                 |                                         |         |
|     | TỔNG SỐ (A+B)                                                                                                              |                                                  |                                                     | 1.448.727                      | 581.541               | 194.243           | 147.016                       | 47.227                          | 45.792                                  |         |
| A   | NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC) |                                                  |                                                     | 1.254.052                      | 438.457               | 129.860           | 108.466                       | 21.393                          | 19.958                                  |         |
| I   | BỐ TRÍ ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA                                                                                               |                                                  |                                                     | 998.792                        | 183.197               | 70.413            | 60.956                        | 9.457                           | 8.022                                   |         |
| (1) | Dự án chuyển tiếp và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2023                                                               |                                                  |                                                     | 998.792                        | 183.197               | 70.413            | 60.956                        | 9.457                           | 8.022                                   |         |
| 1   | Đối ứng dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum                                                | Sở Kế hoạch và Đầu tư                            | 669-14/7/2017                                       | 564.145                        | 69.732                | 30.426            | 26.904                        | 3.522                           | 3.522                                   |         |
| 2   | Đối ứng dự án Hồ chứa nước Đăk Pokei (giai đoạn 1)                                                                         | BQL dự án đầu tư xây dựng các công trình NN&PTNT | 1211-31/10/2018                                     | 434.647                        | 113.465               | 39.987            | 34.052                        | 5.935                           | 4.500                                   |         |
| II  | NHIỆM VỤ QUY HOẠCH                                                                                                         |                                                  |                                                     | 58.748                         | 58.748                | 10.000            | 1.971                         | 8.029                           | 8.029                                   |         |
| 1   | Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2020-2030 và định hướng đến năm 2050                                                        | Sở Kế hoạch và Đầu tư                            | 752-05/8/2020                                       | 58.748                         | 58.748                | 10.000            | 1.971                         | 8.029                           | 8.029                                   |         |
| III | TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH                                                                                     | Các chủ đầu tư                                   |                                                     |                                |                       | 1.000             | 398                           | 602                             | 602                                     |         |
| IV  | THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NSDP                                                                                           |                                                  |                                                     | 196.512                        | 196.512               | 48.447            | 45.141                        | 3.306                           | 3.306                                   |         |
| a)  | Dự án chuyển tiếp sang năm 2023                                                                                            |                                                  |                                                     | 178.476                        | 178.476               | 40.987            | 39.952                        | 1.035                           | 1.035                                   |         |
| (1) | Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2023                                                        |                                                  |                                                     | 178.476                        | 178.476               | 40.987            | 39.952                        | 1.035                           | 1.035                                   |         |
| 1   | Sửa chữa, cải tạo toàn bộ sân trong khuôn viên Trụ sở Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ                                      | Văn phòng Tỉnh ủy                                | 1252-15/12/2020;<br>458-27/5/2021;<br>538-22/6/2021 | 11.180                         | 11.180                | 2.239             | 2.219                         | 21                              | 21                                      |         |
| 2   | Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Kon Tum                                                                                       | Sở Nội vụ                                        | NQ 39-29/4/2021;<br>59-28/01/2022                   | 39.098                         | 39.098                | 27.688            | 26.814                        | 873                             | 873                                     |         |
| 3   | Xây dựng mới hội trường Tỉnh ủy, các phòng họp và Trụ sở làm việc các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy                   | Văn phòng Tỉnh ủy                                | 438-21/5/2021                                       | 128.198.000                    | 128.198.000           | 11.060            | 10.919                        | 141                             | 141                                     |         |
| b)  | Dự án khởi công mới năm 2023                                                                                               |                                                  |                                                     | 18.036                         | 18.036                | 7.460             | 5.189                         | 2.271                           | 2.271                                   |         |

| STT | Danh mục dự án                                                                                                                   | Chủ đầu tư                        | Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư  |                                |                       | Kế hoạch năm 2023 | Giải ngân đến ngày 31/01/2024 | Kế hoạch còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch năm 2023 kéo dài sang năm 2024 | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|-------------------|-------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                  |                                   | Số QĐ, ngày tháng năm                           | TMĐT                           |                       |                   |                               |                                 |                                         |         |
|     |                                                                                                                                  |                                   |                                                 | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NS Tỉnh |                   |                               |                                 |                                         |         |
| (1) | Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2023                                                                                            |                                   |                                                 | 18.036                         | 18.036                | 7.460             | 5.189                         | 2.271                           | 2.271                                   |         |
| 1   | Tôn tạo, phục dựng, sửa chữa, xây dựng Di tích lịch sử cách mạng Căn cứ Tỉnh ủy Kon Tum                                          | UBND huyện Tu Mơ Rông             | NQ 62-09/12/2021; 571-06/9/2022;694-14/11/2022  | 18.036                         | 18.036                | 7.460             | 5.189                         | 2.271                           | 2.271                                   |         |
| B   | NGUỒN THU XỐ SỐ KIẾN THIẾT                                                                                                       |                                   |                                                 | 194.675                        | 143.084               | 64.383            | 38.550                        | 25.833                          | 25.833                                  |         |
| I   | LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP                                                                               |                                   |                                                 | 115.579                        | 63.988                | 35.560            | 32.849                        | 2.711                           | 2.711                                   |         |
| (1) | Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2023                                                              |                                   |                                                 | 115.579                        | 63.988                | 35.560            | 32.849                        | 2.711                           | 2.711                                   |         |
| 1   | Bổ sung cơ sở vật chất cho Trường Phổ thông Dân tộc nội trú huyện Đăk Glei                                                       | Sở Giáo dục và Đào tạo            | 1307-28/12/2020; 74/QĐ-SKHĐT, 19/6/2022         | 13.988                         | 13.988                | 9.790             | 7.548                         | 2.242                           | 2.242                                   |         |
| 2   | Đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2, lớp 6 cho các cơ sở giáo dục thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 | Sở Giáo dục và Đào tạo            | 864-16/9/2021                                   | 101.591                        | 50.000                | 25.770            | 25.301                        | 469                             | 469                                     |         |
| II  | LĨNH VỰC Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH                                                                                                |                                   |                                                 | 60.000                         | 60.000                | 18.823            | 3.277                         | 15.546                          | 15.546                                  |         |
| (1) | Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2023                                                              |                                   |                                                 | 60.000                         | 60.000                | 18.823            | 3.277                         | 15.546                          | 15.546                                  |         |
| 1   | Nâng cấp Bệnh viện Y dược cổ truyền - Phục hồi chức năng tỉnh Kon Tum lên 165 giường                                             | Bệnh viện Y dược cổ truyền - PHCN | 126-10/02/2020; 311-03/4/2020                   | 60.000                         | 60.000                | 18.823            | 3.277                         | 15.546                          | 15.546                                  |         |
| III | LĨNH VỰC VĂN HÓA                                                                                                                 |                                   |                                                 | 19.096                         | 19.096                | 10.000            | 2.423                         | 7.577                           | 7.577                                   |         |
| (1) | Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng sau năm 2023                                                                |                                   |                                                 | 19.096                         | 19.096                | 10.000            | 2.423                         | 7.577                           | 7.577                                   |         |
| 1   | Trưng bày Bảo tàng ngoài trời                                                                                                    | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch   | 1310-06/12/2017; 1203-31/10/2018; 126-16/3/2022 | 19.096                         | 19.096                | 10.000            | 2.423                         | 7.577                           | 7.577                                   |         |

**Phụ lục 02**

**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG  
NĂM 2023 SANG NĂM 2024 CỦA THÀNH PHỐ KON TUM**

*DVT: Triệu đồng*

| STT | Nội dung                                                                                                                                  | Quyết định đầu tư        |                    | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2023 | Thực hiện,<br>giải ngân kế<br>hoạch vốn<br>đến<br>31/01/2024 | Kế hoạch<br>còn lại chưa<br>giải ngân | Kế hoạch<br>năm 2023<br>kéo dài<br>sang năm<br>2024 (*) | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                           | Số QĐ, ngày<br>tháng năm | Tổng mức<br>đầu tư |                             |                                                              |                                       |                                                         |         |
|     | <b>TỔNG SỐ</b>                                                                                                                            |                          | 7.353              | 6.294                       | 5.951                                                        | 343                                   | 343                                                     |         |
| I   | <b>NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY<br/>ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ<br/>BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC)</b> |                          | 3.783              | 3.500                       | 3.301                                                        | 199                                   | 199                                                     |         |
| 1   | Đường Ngô Quyền (đoạn Lê Hồng Phong - Nguyễn Bình<br>Khiêm), thành phố Kon Tum; hạng mục: Mặt đường, vỉa hè và                            | 3090-<br>01/12/2020      | 1.483              | 1.416                       | 1.372                                                        | 44                                    | 44                                                      |         |
| 2   | Đường Nguyễn Bình Khiêm kết hợp sửa chữa một số nút giao<br>thông tại khu vực Trung tâm phường Quyết Thắng, thành phố                     | 3091-<br>01/12/2020      | 2.300              | 2.084                       | 1.929                                                        | 155                                   | 155                                                     |         |
| III | <b>NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ</b>                                                                                                 |                          | 3.570              | 2.794                       | 2.650                                                        | 144                                   | 144                                                     |         |
| 1   | Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Kroong, thành phố<br>Kon Tum                                                                          | 16-05/01/2023            | 731                | 600                         | 555                                                          | 45                                    | 45                                                      |         |
| 2   | Nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự xã Đoàn Kết, thành phố<br>Kon Tum                                                                        | 15-05/01/2023            | 600                | 600                         | 582                                                          | 18                                    | 18                                                      |         |
| 3   | Trường THCS Nguyễn Huệ, thành phố Kon Tum, Hạng mục:<br>Cải tạo, sửa chữa hàng rào                                                        | 714-10/4/2023            | 450                | 450                         | 419                                                          | 31                                    | 31                                                      |         |
| 4   | Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Lương Bằng, phường Lê<br>Lợi, thành phố Kon Tum (Đoạn từ Ngô Văn Sở đến Nguyễn                              | 2219-21/6/2022           | 1.789              | 1.144                       | 1.095                                                        | 49                                    | 49                                                      |         |

Ghi chú:

(\*) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn, phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ

**Phụ lục 03**  
**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG**  
**NĂM 2023 SANG NĂM 2024 CỦA HUYỆN ĐẮK HÀ**

*DVT: Triệu đồng*

| STT | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                    | Quyết định đầu tư        |               | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2023 | Thực hiện,<br>giải ngân kế<br>hoạch vốn<br>đến<br>31/01/2024 | Kế hoạch<br>còn lại chưa<br>giải ngân | Kế hoạch<br>năm 2023<br>kéo dài<br>sang năm<br>2024 (*) | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|---------------|-----------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                                               | Số QĐ, ngày<br>tháng năm | TMDT          |                             |                                                              |                                       |                                                         |         |
|     | <b>TỔNG SỐ</b>                                                                                                                                |                          | <b>35.964</b> | <b>29.968</b>               | <b>27.935</b>                                                | <b>2.033</b>                          | <b>720</b>                                              |         |
| I   | <b>NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC)</b>             |                          | <b>8.351</b>  | <b>4.583</b>                | <b>4.157</b>                                                 | <b>426</b>                            | <b>426</b>                                              |         |
| 1   | Đường Hoàng Thị Loan, huyện Đắk Hà                                                                                                            | 357-25/4/2022            | 8.351         | 4.583                       | 4.157                                                        | 426                                   | 426                                                     |         |
| II  | <b>PHÂN CẤP HỖ TRỢ NÔNG THÔN MỚI</b>                                                                                                          |                          | <b>4.500</b>  | <b>4.360</b>                | <b>4.135</b>                                                 | <b>225</b>                            | <b>48</b>                                               |         |
| 1   | Trường Mẫu giáo xã Ngọc Réo; Hạng mục: Xây mới 02 phòng học và các hạng mục phụ trợ khác                                                      | 288-14/4/2023            | 2.500         | 2.360                       | 2.268                                                        | 92                                    | 22                                                      |         |
| 2   | Trường MG xã Đắk Pxi; Hạng mục: 02 phòng học, và các hạng mục khác                                                                            | 291-17/4/2023            | 2.000         | 2.000                       | 1.867                                                        | 133                                   | 27                                                      |         |
| III | <b>PHÂN CẤP HỖ TRỢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CỤM CÔNG NGHIỆP</b>                                                                                        |                          | <b>7.000</b>  | <b>7.000</b>                | <b>6.907</b>                                                 | <b>93</b>                             | <b>65</b>                                               |         |
| 1   | Công trình: Cụm công nghiệp Đắk La                                                                                                            | 486-12/6/2023            | 7.000         | 7.000                       | 6.907                                                        | 93                                    | 65                                                      |         |
| IV  | <b>NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>                                                                                                                  |                          | <b>12.613</b> | <b>10.525</b>               | <b>9.394</b>                                                 | <b>1.131</b>                          | <b>144</b>                                              |         |
| 1   | Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía Tây Quốc lộ 14 tại thôn Tân Lập B và thôn Kon Hnông Yốp, xã Đắk Hring, huyện Đắk Hà | 645-28/6/2022            | 5.567         | 3.479                       | 3.420                                                        | 59                                    | 59                                                      |         |
| 2   | Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ QL 14 đi UBND xã Hà Mòn (đường Trường Chinh), giai đoạn 1                                                   | 508-22/6/2023            | 7.046         | 7.046                       | 5.974                                                        | 1.073                                 | 85                                                      |         |
| V   | <b>NGUỒN VỐN TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TỈNH</b>                                                                                                 |                          | <b>1.500</b>  | <b>1.500</b>                | <b>1.486</b>                                                 | <b>14</b>                             | <b>6</b>                                                |         |

| STT | Danh mục dự án, công trình                                          | Quyết định đầu tư     |              | Kế hoạch vốn năm 2023 | Thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2024 | Kế hoạch còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (*) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------|
|     |                                                                     | Số QĐ, ngày tháng năm | TMĐT         |                       |                                                  |                                 |                                             |         |
| 1   | Lắp đặt Hệ thống Camera giám sát an ninh huyện Đắk Hà (giai đoạn 3) |                       | 1.500        | 1.500                 | 1.486                                            | 14                              | 6                                           |         |
| VI  | <b>TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022</b>             |                       | <b>2.000</b> | <b>2.000</b>          | <b>1.857</b>                                     | <b>143</b>                      | <b>32</b>                                   |         |
| 1   | Trường TH Trần Quốc Toàn; Hạng mục: Phòng học bộ môn                | 485-12/6/2023         | 2.000        | 2.000                 | 1.857                                            | 143                             | 32                                          |         |

Ghi chú:

(\*) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn, phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ

**Phụ lục 04**

**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG  
NĂM 2023 SANG NĂM 2024 CỦA HUYỆN SA THẦY**

*DVT: Triệu đồng*

| STT        | Nguồn vốn/ Danh mục dự án                                                                                                                             | Quyết định đầu tư        |                    | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2023 | Thực hiện<br>giải ngân kế<br>hoạch vốn<br>đến<br>31/01/2024 | Kế hoạch<br>còn lại chưa<br>giải ngân | Kế hoạch<br>năm 2023<br>kéo dài<br>sang năm<br>2024 (*) | Ghi chú |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|            |                                                                                                                                                       | Số QĐ, ngày<br>tháng năm | Tổng mức<br>đầu tư |                             |                                                             |                                       |                                                         |         |
|            | <b>TỔNG SỐ</b>                                                                                                                                        |                          | <b>363.861</b>     | <b>27.101</b>               | <b>12.868</b>                                               | <b>14.233</b>                         | <b>14.233</b>                                           |         |
| <b>I</b>   | <b>NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG TRONG NƯỚC)</b>                     |                          | <b>7.800</b>       | <b>1.265</b>                | <b>1.240</b>                                                | <b>25</b>                             | <b>25</b>                                               |         |
| 1          | Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ đường Bế Văn Đàn đến đường Lê Duẩn)                                                                              | 05-<br>05/01/2021        | 7.800              | 1.265                       | 1.240                                                       | 25                                    | 25                                                      |         |
| <b>II</b>  | <b>PHÂN CẤP HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP BÁCH</b>                                                                                                 |                          | <b>16.000</b>      | <b>5.500</b>                | <b>5.330</b>                                                | <b>170</b>                            | <b>170</b>                                              |         |
| 1          | Mở rộng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Bế Văn Đàn đến ngõ 350)                                                                                    | 116-<br>27/01/2022       | 16.000             | 5.500                       | 5.330                                                       | 170                                   | 170                                                     |         |
| <b>III</b> | <b>NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>                                                                                                                          |                          | <b>318.000</b>     | <b>8.000</b>                | <b>-</b>                                                    | <b>8.000</b>                          | <b>8.000</b>                                            |         |
| 1          | Đường giao thông từ trung tâm huyện Sa Thầy đến nhà máy thủy điện Ialy                                                                                | 674-<br>29/7/2021        | 318.000            | 8.000                       | -                                                           | 8.000                                 | 8.000                                                   |         |
| <b>IV</b>  | <b>NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT PHÂN CẤP (LỒNG GHÉP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC CTMTQG XÂY DỰNG NTM)</b>                                                   |                          | <b>6.000</b>       | <b>1.489</b>                | <b>354</b>                                                  | <b>1.135</b>                          | <b>1.135</b>                                            |         |
| 1          | Xây dựng Trường TH và THCS xã Ya Ly; hạng mục: Nhà học 02 phòng và hạng mục phụ trợ tại Điểm trường trung tâm Làng Chử                                | 1843- 30/11/2023         | 1.250              | 310                         | 74                                                          | 236                                   | 236                                                     |         |
| 2          | Trường Mầm non xã Ya Xiêr. Hạng mục: Sửa chữa nhà học, xây mới cổng hàng rào và hạng mục phụ trợ điểm trường trung tâm và điểm trường thôn Thanh Xuân | 1891- 11/12/2023         | 1.250              | 310                         | 74                                                          | 236                                   | 236                                                     |         |
| 3          | Trường Mầm non Vàng Anh xã Ya Tăng. Hạng mục: Nhà phục vụ học tập 02 phòng và hạng mục phụ trợ                                                        | 1825- 27/11/2023         | 1.250              | 311                         | 73                                                          | 238                                   | 238                                                     |         |
| 4          | Sửa chữa 02 dãy nhà học 2 tầng và hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Rờ Koi                                                                              | 1892- 11/12/2023         | 1.250              | 310                         | 74                                                          | 236                                   | 236                                                     |         |
| 5          | Làm mới Giếng khoan, Sửa chữa nhà vệ sinh học sinh và nhà vệ sinh giáo viên Trường Mầm non xã Sa Nhơn                                                 | 1826- 27/11/2023         | 1.000              | 248                         | 58                                                          | 190                                   | 190                                                     |         |

| STT | Nguồn vốn/ Danh mục dự án                                                                                             | Quyết định đầu tư                         |                 | Kế hoạch vốn năm 2023 | Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2024 | Kế hoạch còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (*) | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|-----------------|-----------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                       | Số QĐ, ngày tháng năm                     | Tổng mức đầu tư |                       |                                                 |                                 |                                             |         |
| V   | <b>TĂNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022</b>                                                                              |                                           | 6.200           | 1.008                 | 659                                             | 349                             | 349                                         |         |
| 1   | Mở rộng Trụ sở HĐND - UBND xã Sa Sơn. Hạng mục: Phòng làm việc Ban chỉ huy quân sự xã                                 | 373- 30/3/2023                            | 500             | 500                   | 486                                             | 14                              | 14                                          |         |
| 2   | Hỗ trợ thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án xây dựng Trụ sở làm việc Công an huyện Sa Thầy                    | 511/QĐ-BCA-H01 20/01/2022; 4472/UBND-KTTH | 5.700           | 508                   | 173                                             | 335                             | 335                                         |         |
| VI  | <b>DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH HUYỆN</b>                                                                                       |                                           | 5.391           | 5.372                 | 5.285                                           | 87                              | 87                                          |         |
| 1   | Khắc phục sửa chữa đường từ xã Sa Nghĩa đi xã Hơ Moong (đoạn từ đất nhà ông Phạm Viết Trí đến đất rẫy ông Sáu Chung)  | 1486- 22/09/2023                          | 120             | 120                   | 115                                             | 5                               | 5                                           |         |
| 2   | Khắc phục sửa chữa đường trục chính xã Ya Ly; hạng mục: Mái taluy cống ngang đường mặt đường và các hạng mục phụ trợ. | 1487- 22/09/2023                          | 1.134           | 1.119                 | 1.108                                           | 11                              | 11                                          |         |
| 3   | Khắc phục sửa chữa đường đi khu sản xuất thôn Kram xã Rờ Koi tại Km 5+800                                             | 1578- 11/10/2023                          | 200             | 199                   | 182                                             | 17                              | 17                                          |         |
| 4   | Khắc phục sạt lở cống ngang đường đi khu sản xuất 123 xã Sa Sơn.                                                      | 1579- 11/10/2023                          | 450             | 447                   | 443                                             | 4                               | 4                                           |         |
| 5   | Khắc phục sửa chữa chân khay và tứ nón mố cầu bê tông đường Phan Bội Châu thị trấn Sa Thầy                            | 1760- 13/11/2023                          | 350             | 350                   | 344                                             | 6                               | 6                                           |         |
| 6   | Khắc phục sửa chữa đường giao thông từ xã Ya Xiêr đi xã Ya Ly huyện Sa Thầy                                           | 1801 -23/11/2023                          | 1.120           | 1.120                 | 1.096                                           | 24                              | 24                                          |         |
| 7   | Khắc phục sạt lở mái taluy âm đường Hàm Nghi thị trấn Sa Thầy                                                         | 1890 -11/12/2023                          | 717             | 717                   | 711                                             | 6                               | 6                                           |         |
| 8   | Khắc phục sạt lở đường giao thông vào khu di tích lịch sử điểm cao 1015 xã Rờ Koi huyện Sa Thầy                       | 1858 -05/12/2023                          | 400             | 400                   | 392                                             | 8                               | 8                                           |         |
| 9   | Khắc phục sạt lở ngập úng hư hỏng đường đi khu sản xuất thôn Đăk Yo (Đoạn từ rẫy ông A Xuynh đến rẫy ông Bảo)         | 1873 -08/12/2023                          | 900             | 900                   | 893                                             | 7                               | 7                                           |         |
| VII | <b>NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT (Ngân sách cấp xã)</b>                                                                       |                                           | 4.470           | 4.467                 | -                                               | 4.467                           | 4.467                                       |         |
| 1   | Xây dựng rãnh thoát nước các đường nội làng Chốt                                                                      | 177- 27/12/2023                           | 710,000         | 710                   |                                                 | 710                             | 710                                         |         |
| 2   | Xây dựng rãnh thoát nước các đường nội làng KĐừ                                                                       | 178- 27/12/2023                           | 700,000         | 700                   |                                                 | 700                             | 700                                         |         |

| STT | Nguồn vốn/ Danh mục dự án                                                       | Quyết định đầu tư     |                 | Kế hoạch vốn năm 2023 | Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2024 | Kế hoạch còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (*) | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                 | Số QĐ, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư |                       |                                                 |                                 |                                             |         |
| 3   | Xây dựng rãnh thoát nước các đường nội làng Kleng                               | 179- 27/12/2023       | 700,000         | 700                   |                                                 | 700                             | 700                                         |         |
| 4   | Cải tạo sửa chữa đường giao thông nội thôn 4 thị trấn Sa Thầy.                  | 180- 27/12/2023       | 670,000         | 670                   |                                                 | 670                             | 670                                         |         |
| 5   | Nâng cấp sửa chữa đường nội khu nghĩa trang nhân dân thị trấn Sa Thầy           | 181- 27/12/2023       | 420,000         | 420                   |                                                 | 420                             | 420                                         |         |
| 6   | Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (giai đoạn 2)             | 250- 29/12/2023       | 976             | 976                   |                                                 | 976                             | 976                                         |         |
| 7   | Duy tu sửa chữa đường nội thôn Làng Rẽ (đoạn từ quốc lộ 14C đến nhà ông A Quấu) | 250- 29/12/2023       | 294             | 291                   |                                                 | 291                             | 291                                         |         |

Ghi chú:

(\*) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn, phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ



**Phụ lục 05**

**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023 SANG NĂM 2024 CỦA HUYỆN KON RẪY**

*DVT: Triệu đồng*

| STT | Nguồn vốn/ Danh mục dự án                                                                                             | Quyết định đầu tư     |                 | Kế hoạch vốn năm 2023 | Thực hiện giải ngân kế hoạch vốn đến 31/01/2023<br>4 | Kế hoạch còn lại chưa giải ngân | Kế hoạch năm 2023 kéo dài sang năm 2024 (*) | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                                       | Số QĐ, ngày tháng năm | Tổng mức đầu tư |                       |                                                      |                                 |                                             |         |
|     | <b>TỔNG SỐ</b>                                                                                                        |                       | 12.482          | 5.881                 | 4.248                                                | 1.633                           | 1.633                                       |         |
| I   | <b>NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP TRUNG</b> |                       |                 | 200                   |                                                      | 200                             | 200                                         |         |
| 1   | Trả nợ quyết toán các dự án hoàn thành                                                                                |                       |                 | 200                   |                                                      | 200                             | 200                                         |         |
| II  | <b>NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT PHÂN CẤP (LỒNG GHÉP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC CTMTQG XÂY DỰNG NTM)</b>                   |                       | 6.000           | 3.045                 | 1.912                                                | 1.133                           | 1.133                                       |         |
| 1   | Nhà văn hóa Trung tâm xã Đắk Kôi                                                                                      | 403-24/04/2023        | 2.000           | 2.000                 | 1.912                                                | 88                              | 88                                          |         |
| 2   | Dự án tôn tạo Di tích lịch sử Chiến thắng Kon Braih                                                                   | 45/NQ-16/12/2021      | 4.000           | 1.045                 |                                                      | 1.045                           | 1.045                                       |         |
| III | <b>NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>                                                                                          |                       | 1.097           | 436                   | 207                                                  | 229                             | 229                                         |         |
| 1   | Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Kon Rẫy                                                                       | 741-03/8/2023         | 1.097           | 436                   | 207                                                  | 229                             | 229                                         |         |
| IV  | <b>PHÂN CẤP HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP BÁCH</b>                                                                 |                       | 3.385           | 200                   | 141                                                  | 59                              | 59                                          |         |
| 1   | Dự Trường bắn, thao trường huấn luyện Ban chỉ huy quân sự huyện Kon Rẫy. Hạng mục: Bồi thường giải phóng mặt bằng.    | 471-15/5/2023         | 3.385           | 200                   | 141                                                  | 59                              | 59                                          |         |
| V   | <b>TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022</b>                                                                |                       | 2.000           | 2.000                 | 1.988                                                | 12                              | 12                                          |         |

| STT | Nguồn vốn/ Danh mục dự án                                            | Quyết định đầu tư        |                    | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2023 | Thực hiện<br>giải ngân<br>kế hoạch<br>vốn đến<br>31/01/2023<br>4 | Kế hoạch<br>còn lại<br>chưa giải<br>ngân | Kế hoạch<br>năm 2023<br>kéo dài<br>sang năm<br>2024 (*) | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                      | Số QĐ, ngày<br>tháng năm | Tổng mức<br>đầu tư |                             |                                                                  |                                          |                                                         |         |
| 1   | Điện chiếu sáng công lộ thị trấn Đắk Rve, xã Tân Lập và xã Đắk Ruồng | 682-24/7/2023            | 2.000              | 2.000                       | 1.988                                                            | 12                                       | 12                                                      |         |

Ghi chú:

(\*) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn, phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ

**Phụ lục 06**

**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG  
NĂM 2023 SANG NĂM 2024 CỦA HUYỆN TU MƠ RÔNG**

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT        | Nội dung                                                                                                                                                        | Quyết định đầu tư        |                    | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2023 | Thực hiện<br>giải ngân kế<br>hoạch vốn<br>đến<br>31/01/2023 | Kế hoạch<br>còn lại chưa<br>giải ngân | Kế hoạch<br>năm 2023<br>kéo dài<br>sang năm<br>2024 (*) | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|            |                                                                                                                                                                 | Số QĐ, ngày<br>tháng năm | Tổng mức<br>đầu tư |                             |                                                             |                                       |                                                         |         |
|            | <b>TỔNG SỐ</b>                                                                                                                                                  |                          |                    | <b>6.999</b>                | <b>6.793</b>                                                | <b>206</b>                            | <b>206</b>                                              |         |
| <b>I</b>   | <b>NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC QUY ĐỊNH<br/>TẠI QĐ 26/2020/QĐ-TTG (NGUỒN XÂY DỰNG CƠ BẢN VỐN TẬP<br/>TRUNG TRONG NƯỚC)</b>                       |                          |                    | <b>3.077</b>                | <b>3.004</b>                                                | <b>73</b>                             | <b>73</b>                                               |         |
| 1          | Hệ thống cống thoát nước; trồng cây xanh, vườn hoa; khuôn viên cây<br>xanh; hệ thống điện công lộ khu trung tâm huyện                                           | 535-24/11/2023           | 7.000              | 2.083                       | 2.024                                                       | 59                                    | 59                                                      |         |
| 2          | Đập dâng, kết hợp mặt bằng, đường bố trí dân cư thôn Mô Pả, xã<br>Đăk Hà                                                                                        | 970-01/12/2021           | 4.950              | 994                         | 980                                                         | 14                                    | 14                                                      |         |
| <b>II</b>  | <b>NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>                                                                                                                                    |                          |                    | <b>702</b>                  | <b>653</b>                                                  | <b>49</b>                             | <b>49</b>                                               |         |
| 1          | Phân cấp thực hiện nhiệm vụ Chi đo đạc, cấp giấy chứng nhận,<br>quản lý đất đai, thống kê đất đai, lập kế hoạch sử dụng đất, điều<br>chỉnh kế hoạch sử dụng đất | 670-19/12/2022           | 1.889              | 702                         | 653                                                         | 49                                    | 49                                                      |         |
| <b>III</b> | <b>NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT PHÂN CẤP</b>                                                                                                                      |                          |                    | <b>1.720</b>                | <b>1.655</b>                                                | <b>65</b>                             | <b>65</b>                                               |         |
| 1          | Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời khu trung tâm huyện                                                                                                | 542-16/11/2022           | 2.000              | 1.720                       | 1.655                                                       | 65                                    | 65                                                      |         |
| <b>IV</b>  | <b>TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022</b>                                                                                                          |                          |                    | <b>1.500</b>                | <b>1.481</b>                                                | <b>19</b>                             | <b>19</b>                                               |         |
| 1          | Lắp đặt hệ thống thiết bị camera giám sát an ninh trên địa bàn huyện                                                                                            | 710-31/12/2022           | 3.000              | 1.500                       | 1.481                                                       | 19                                    | 19                                                      |         |

Ghi chú:

(\*) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn, phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ

**Phụ lục 07**  
**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG**  
**NĂM 2023 SANG NĂM 2024 CỦA HUYỆN NGỌC HỒI**

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT       | Danh mục Dự án                                                                                                        | Quyết định đầu tư        |                    | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2023 | Thực hiện<br>giải ngân<br>đến<br>31/01/202<br>4 | Kế hoạch<br>còn lại<br>chưa giải<br>ngân | Kế hoạch<br>năm 2023<br>kéo dài<br>sang năm<br>2024 (*) | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                                                       | Số QĐ, ngày<br>tháng năm | Tổng mức<br>đầu tư |                             |                                                 |                                          |                                                         |         |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                                                      |                          | <b>32.734</b>      | <b>4.470</b>                | <b>3.135</b>                                    | <b>1.334</b>                             | <b>1.334</b>                                            |         |
| <b>I</b>  | <b>NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>                                                                                          |                          | <b>26.384</b>      | <b>1.054</b>                | <b>383</b>                                      | <b>671</b>                               | <b>671</b>                                              |         |
| 1         | Mở rộng khu dân cư trung tâm hành chính mới huyện Ngọc Hồi                                                            | 2639-<br>18/12/2020      | 26.000             | 682                         | 258                                             | 424                                      | 424                                                     |         |
| 2         | Mở rộng đường bao phía tây thị trấn Plei Kần (điểm đầu giao với đường Nguyễn Văn Linh điểm cuối giao tại KM 0 +882,5) | 1252-<br>18/10/2023      | 384                | 372                         | 125                                             | 247                                      | 247                                                     |         |
| <b>II</b> | <b>TĂNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN</b>                                                                                       |                          | <b>6.350</b>       | <b>3.416</b>                | <b>2.752</b>                                    | <b>664</b>                               | <b>664</b>                                              |         |
| 1         | Nước sinh hoạt thôn Đăk Loong Giao, xã Đăk Xú                                                                         | 1303-<br>30/10/2023      | 1.500              | 1.135                       | 514                                             | 620                                      | 620                                                     |         |
| 2         | Nâng cấp, mở rộng trường THCS Đăk Dục, xã Đăk Dục                                                                     | 1174-<br>17/08/2022      | 3.500              | 2.126                       | 2.087                                           | 39                                       | 39                                                      |         |
| 3         | Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Đăk Kan                                                                           | 1638-<br>09/11/2022      | 1.350              | 155                         | 151                                             | 5                                        | 5                                                       |         |

Ghi chú:

(\*) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn, phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ

**Phụ lục 08**  
**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG**  
**NĂM 2023 SANG NĂM 2024 CỦA HUYỆN KON PLÔNG**

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT       | Danh mục dự án/nguồn vốn                                                         | Quyết định đầu tư        |                    | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2023 | Thực hiện<br>giải ngân<br>đến<br>31/01/2024 | Kế hoạch<br>còn lại chưa<br>giải ngân | Kế hoạch<br>năm 2023<br>kéo dài<br>sang năm<br>2024 (*) | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                  | Số QĐ, ngày<br>tháng năm | Tổng mức<br>đầu tư |                             |                                             |                                       |                                                         |         |
|           | <b>TỔNG SỐ</b>                                                                   |                          | <b>22.547</b>      | <b>18.460</b>               | <b>2.929</b>                                | <b>15.531</b>                         | <b>15.531</b>                                           |         |
| <b>I</b>  | <b>NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT PHÂN CẤP</b>                                       |                          | <b>850</b>         | <b>850</b>                  | <b>52</b>                                   | <b>798</b>                            | <b>798</b>                                              |         |
| 1         | Trường PTDTBT THCS Đăk Rìng                                                      | 1308, 06/12/2022         | 850                | 850                         | 52                                          | 798                                   | 798                                                     |         |
| <b>II</b> | <b>NGUỒN TẶNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN</b>                                            |                          | <b>21.697</b>      | <b>17.610</b>               | <b>2.877</b>                                | <b>14.733</b>                         | <b>14.733</b>                                           |         |
| 1         | Sửa chữa hệ thống cấp nước khu rau hoa quả xứ lạnh                               | 959-09/10/2023           | 650                | 630                         | 224                                         | 406                                   | 406                                                     |         |
| 2         | Sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện.           | 960-09/10/2023           | 2.200              | 2.100                       | 751                                         | 1.349                                 | 1.349                                                   |         |
| 3         | Đầu tư hệ thống nhà vệ sinh công cộng, thiết bị thu gom rác thải trung tâm huyện | 1000-20/10/2023          | 1.607              | 1.590                       | 531                                         | 1.059                                 | 1.059                                                   |         |
| 4         | Sửa chữa các phòng học, nhà vệ sinh các điểm trường trên địa bàn huyện.          | 986-18/10/2023           | 2.030              | 2.000                       | 792                                         | 1.208                                 | 1.208                                                   |         |
| 5         | Trồng cây xanh đô thị                                                            | 993-19/10/2023           | 1.100              | 1.060                       | 63                                          | 997                                   | 997                                                     |         |
| 6         | Hệ thống điện chiếu sáng công cộng và điện trang trí khu trung tâm huyện         | 1094- 27/11/2023         | 4.950              | 4.700                       | 187                                         | 4.513                                 | 4.513                                                   |         |
| 7         | Chỉnh trang, sửa chữa khu tháp chuông huyện Kon Plông                            | 1137- 08/12/2023         | 8.630              | 5.000                       | 328                                         | 4.672                                 | 4.672                                                   |         |
| 8         | Trang thiết bị trực tuyến Huyện ủy                                               | 1132- 07/12/2023         | 330                | 330                         | 0                                           | 330                                   | 330                                                     |         |
| 9         | Trang thiết bị trực tuyến HĐND&UBND                                              | 1131- 07/12/2023         | 200                | 200                         | 0                                           | 200                                   | 200                                                     |         |

Ghi chú:

(\*) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn, phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ

**Phụ lục 09**

**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG  
NĂM 2023 SANG NĂM 2024 CỦA HUYỆN IA H'DRAI**

*DVT: Triệu đồng*

| STT | Danh mục dự án/nguồn vốn                                                                            | Quyết định đầu tư        |                    | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2023 | Thực hiện<br>giải ngân<br>đến<br>31/01/2024 | Kế hoạch<br>còn lại<br>chưa giải<br>ngân | Kế hoạch<br>năm 2023<br>kéo dài<br>sang năm<br>2024 (*) | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|     |                                                                                                     | Số QĐ, ngày<br>tháng năm | Tổng mức<br>đầu tư |                             |                                             |                                          |                                                         |         |
|     | <b>TỔNG SỐ</b>                                                                                      |                          | 12.629             | 2.422                       | 2.314                                       | 108                                      | 101                                                     |         |
| I   | <b>NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT PHÂN CẤP (LỒNG GHÉP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC CTMTQG XÂY DỰNG NTM)</b> |                          | 11.627             | 1.420                       | 1.324                                       | 96                                       | 96                                                      |         |
| 1   | Đường ĐĐT31 (N57-N54)                                                                               | 282-27/7/2022            | 7.947              | 860                         | 787                                         | 73                                       | 73                                                      |         |
| 2   | Trường Mầm non Măng Non xã Ia Đal. Hạng mục: Nhà học 04 phòng và các hạng mục phụ trợ khác          | 361-27/10/2022           | 3.680              | 560                         | 538                                         | 22                                       | 22                                                      |         |
| II  | <b>NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT</b>                                                                        |                          | 1.002              | 1.002                       | 990                                         | 12                                       | 6                                                       |         |
| 1   | Trụ sở xã Ia Tơi; Hạng mục: cải tạo khuôn viên sân vườn khu vực nội bộ                              | 79-14/6/2023             | 290                | 290                         | 288                                         | 2                                        | 2                                                       |         |
| 2   | Đường giao thông nội bộ điểm dân cư 64 thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi                                       | 80-14/6/2023             | 712                | 712                         | 702                                         | 10                                       | 4                                                       |         |

Ghi chú:

(\*) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn, phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ

**Phụ lục 10**

**DANH MỤC DỰ ÁN KÉO DÀI THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG  
NĂM 2023 SANG NĂM 2024 CỦA HUYỆN ĐẮK GLEI**

*(Kèm theo Nghị quyết số        /NQ-HĐND ngày        tháng        năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT       | Danh mục dự án                                                                                | Quyết định đầu tư        |                    | Kế hoạch<br>vốn năm<br>2023 | Thực hiện<br>giải ngân kế<br>hoạch vốn<br>đến<br>31/01/2024 | Kế hoạch<br>còn lại<br>chưa giải<br>ngân | Kế hoạch<br>năm 2023<br>kéo dài<br>sang năm<br>2024 (*) | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|           |                                                                                               | Số QĐ, ngày<br>tháng năm | Tổng mức<br>đầu tư |                             |                                                             |                                          |                                                         |         |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                                              |                          | <b>3.150</b>       | <b>3.150</b>                | <b>2.407</b>                                                | <b>743</b>                               | <b>743</b>                                              |         |
| <b>I</b>  | <b>PHÂN CẤP HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH CẤP<br/>BÁCH</b>                                     |                          | <b>2.500</b>       | <b>2.500</b>                | <b>2.407</b>                                                | <b>93</b>                                | <b>93</b>                                               |         |
| 1         | Cầu tràn thôn Cung Rang - xã Ngọc Linh                                                        | 944-<br>22/11/2023       | 685                | 685                         | 649                                                         | 36                                       | 36                                                      |         |
| 2         | Cầu treo sắt thôn Đăk Dung đi thôn Đông Sông                                                  | 948-<br>22/11/2023       | 385                | 385                         | 371                                                         | 14                                       | 14                                                      |         |
| 3         | Cầu BTCT lý trình: Km12+150 thuộc tuyến đường ĐH83-<br>Đăk Nhoong                             | 945-<br>22/11/2023       | 330                | 330                         | 320                                                         | 10                                       | 10                                                      |         |
| 4         | Đường đi KSX Đăk Bong - Đăk La, thôn Đăk Ak, xã Đăk<br>Long                                   | 947-<br>22/11/2023       | 1.100              | 1.100                       | 1.067                                                       | 33                                       | 33                                                      |         |
| <b>II</b> | <b>NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT PHÂN CẤP (LỒNG<br/>GHÉP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THUỘC CTMTQG XÂY</b> |                          | <b>650</b>         | <b>650</b>                  |                                                             | <b>650</b>                               | <b>650</b>                                              |         |
| 1         | Trường MN xã Đăk Plô                                                                          | 979-<br>11/12/2023       | 650                | 650                         |                                                             | 650                                      | 650                                                     |         |

Ghi chú:

(\*) Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu của dự án được kéo dài thời gian thực hiện, giải ngân vốn, phù hợp với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ